

**CÔNG TY TNHH ĐẠI THANH HẢI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MÃ**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẠI THANH HẢI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI THANH HAI COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DAI THANH HAI CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109282232

**3. Ngày thành lập:** 24/07/2020

**4. Địa chỉ chính:**

Số 2, đường Yên Duyên, Tổ 15, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn đá quý;<br>Bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu (trừ loại Nhà nước cấm) | 4669     |
| 2.  | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>Chi tiết: - Sản xuất thuốc nhuộm, chất nhuộm từ bất kì nguồn nào dưới dạng cơ bản hoặc cô đặc                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2011     |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm; - Sản xuất hương các loại...                                                                                                                | 2029     |
| 4.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác<br>- Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)                                                                                                          | 4931     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4932 |
| 6.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video (chỉ hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5911 |
| 7.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310 |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm; - Bán buôn hàng mỹ phẩm: Son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...; - Chế phẩm vệ sinh: Xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, thuốc nhuộm tóc, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh...; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD - Bán buôn các loại đồng hồ và đồ trang sức; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi | 4649 |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8230 |
| 10. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4641 |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610 |
| 12. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4759 |
| 13. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4771 |
| 14. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, nước thơm; - Bán lẻ mỹ phẩm: Son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác; - Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, thuốc nhuộm tóc, sữa tắm, khăn giấy thơm...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4772 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh: - Bán lẻ đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác (trừ loại Nhà nước cấm) | 4773 |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;<br>- Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác;<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: Xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa chất, xe đông lạnh;<br>- Vận tải hàng nặng, vận tải container;<br>- Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải;<br>- Hoạt động chuyên chở đặc;<br>- Cho thuê xe tải có người lái;                                                                                                                                                                                                                            | 4933 |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410 |
| 18. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6312 |
| 19. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý..                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7490 |
| 20. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9321 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che .v.v..; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; | 9329 |
| 22. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh; - Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn màn; - Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí; - Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng; - Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh.                                                                                                                                                                                                                                      | 4789 |
| 23. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1520 |
| 24. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7110 |
| 25. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7120 |
| 26. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7211 |
| 27. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7212 |
| 28. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7221 |
| 29. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7222 |
| 30. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330 |
| 31. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4390 |
| 32. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4329 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4321 |
| 34. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1621 |
| 35. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1622 |
| 36. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1629 |
| 37. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4753 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 38. | <p>Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất mỹ phẩm: - Nước hoa và nước vệ sinh, - Chất mỹ phẩm và hoá trang, - Chất chống nắng và chống rám nắng, - Thuốc chăm sóc móng tay, móng chân, - Dầu gội đầu, keo xịt tóc, thuốc làm sóng tóc và ép tóc, - Kem đánh răng và chất vệ sinh răng miệng bao gồm thuốc hãm màu răng giả, - Thuốc cạo râu, bao gồm thuốc dùng trước và sau khi cạo râu, - Chất khử mùi và muối tắm, - Thuốc làm rụng lông.</li> <li>- Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh: - Sản xuất xà phòng dạng bánh; - Sản xuất giấy, đồ chèn lót, đồ ni... được bọc hoặc phủ xà phòng hoặc chất tẩy rửa; - Sản xuất glixerin thô; - Sản xuất chất hoạt động bề mặt như: + Bột giặt dạng lỏng hoặc cứng và chất tẩy rửa, + Nước rửa bát, + Nước xả quần áo và chất làm mềm vải. - Sản xuất sản phẩm tẩy rửa và đánh bóng: + Chất làm nước hoa hoặc chất xịt phòng, + Chất tẩy nhân tạo, tẩy lông, + Chất đánh bóng và xi cho sản phẩm da, + Chất đánh bóng dùng cho gỗ, + Chất đánh bóng cho thủy tinh, kim loại + Bột nhào hoặc bột khô để lau chùi các sản phẩm bao gồm: Giấy, đồ chèn lót, đồ ni, dạ, phớt, bông.</li> </ul> | 2023(Chính) |
| 39. | <p>Dịch vụ đóng gói</p> <p>Chi tiết: Hoạt động san chiết, đóng gói hóa chất</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8292        |
| 40. | <p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p>Chi tiết: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác (trừ loại Nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4662        |
| 41. | <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ tư vấn bất động sản</li> <li>- Dịch vụ quản lý bất động sản</li> <li>- Dịch vụ môi giới bất động sản</li> <li>- Sàn giao dịch bất động sản</li> <li>- Quản lý vận hành nhà chung cư</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6820        |
| 42. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)</p> <p>Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động đường bộ; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5229        |
| 43. | <p>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6619        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 44. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8211 |
| 45. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1811 |
| 46. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1812 |
| 47. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4633 |
| 48. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                           | 8299 |
| 49. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4632 |
| 50. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4722 |
| 51. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4723 |
| 52. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651 |
| 53. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                             | 4741 |
| 54. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                               | 4752 |
| 55. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                            | 4663 |
| 56. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652 |
| 57. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; | 4659 |
| 58. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                           | 4764 |
| 59. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7020 |

**6. V n đi u l :** 1.900.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin v ch s h u:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

### 8. Ngư i đại di n theo pháp lu t:

\* Họ và tên: ĐINH THỊ THU HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 15/08/1951

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011401729

Ngày cấp: 17/04/2012

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 309 C2 Tầng 3, Khu Phúc Hợp Mandarin Garden (Khu C), Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 604, tầng 6, tòa C, Chung cư Imperia Garden, 203 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội